

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND

ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết thi hành khoản 4, khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022 (sau đây viết tắt là Luật Thi đua, khen thưởng).

2. Quy định về thẩm quyền quyết định, trao tặng; quy định về trình khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Cụm, Khối thi đua và Quỹ thi đua, khen thưởng.

3. Những nội dung khác về thi đua, khen thưởng không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân trong các cơ quan Nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, nghề nghiệp; tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; hộ gia đình, công dân trong và ngoài tỉnh; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức nước ngoài tham gia các phong trào thi đua của tỉnh.

Điều 3. Quy định chung về khen thưởng

1. Trong cùng một thành tích đạt được, nếu đề nghị khen thưởng cho tập thể lớn thì không đề nghị khen thưởng đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc của tập thể đó và ngược lại (trừ các trường hợp đề nghị khen thưởng công trạng); trường hợp đề nghị khen thưởng cho nhiều cá nhân cần xét chọn cá nhân tiêu biểu, xuất sắc để đề nghị khen thưởng.

2. Không khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề (theo đợt) cho thành viên của Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức cấp tỉnh do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập. Thành tích của thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức cấp tỉnh được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được; trừ trường hợp có văn bản chỉ đạo, thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Không khen thưởng nhân ngày thành lập, ngày kỷ niệm; đối với khen thưởng chuyên đề (theo đợt), chủ yếu áp dụng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của cấp phát động thi đua (giấy khen). Không xét đề nghị khen thưởng chuyên đề cho những hoạt động có thời gian ngắn hoặc không có quy chế thi đua cụ thể, không phát động thi đua; không xem xét khen thưởng cho các đối tượng thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xem xét, khen thưởng theo chuyên đề đối với những phong trào thi đua trong phạm vi sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có thời gian phát động từ 03 năm trở lên, phong trào thi đua có tổng kết cấp tỉnh, có kế hoạch cụ thể về khen thưởng hoặc các phong trào thi đua do Trung ương phát động.

4. Đối với khen thưởng đột xuất, chỉ xem xét, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng lớn trong toàn tỉnh hoặc khu vực; hoặc khen thưởng theo sự chỉ đạo, thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh (kèm theo văn bản chỉ đạo).

5. Các trường hợp khen thưởng ngoài kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc do sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phát động từ 03 năm trở lên; khi đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng, cơ quan, đơn vị, địa phương phải có ý kiến bằng văn bản thống nhất về số lượng khen thưởng của Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh nhưng không quá 03 tập thể và 05 cá nhân.

6. Một sáng kiến chỉ được sử dụng một lần khi làm tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng, sáng kiến đã sử dụng khi xét danh hiệu thi đua thì không được dùng trong xét hình thức khen thưởng và ngược lại. Không dùng một sáng kiến để xét nhiều hình thức khen thưởng.

7. Những trường hợp không xét khen thưởng

a) Đối với tập thể:

- Không tham gia thi đua.
- Tập thể mới thành lập tính đến thời điểm xét khen thưởng chưa đủ 06 tháng hoạt động.
- Hồ sơ đề nghị khen thưởng không đầy đủ và quá thời hạn quy định.

b) Đối với cá nhân:

- Không tham gia thi đua.
- Mới tuyển dụng dưới 06 tháng.
- Bị phạt vi phạm hành chính, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (chưa hết thời hiệu xử lý kỷ luật) hoặc có thư phản ánh của địa phương nơi cư trú về việc không chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước hoặc các vi phạm khác... (nếu nội dung phản ánh được xác minh là đúng).
- Hồ sơ đề nghị khen thưởng không đầy đủ và quá thời hạn quy định.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 4. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 5. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng hằng năm cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có nhiều thành tích nổi bật, được các thành viên trong Cụm, Khối thi đua bình xét, đánh giá và thống nhất cao; có nhân tố mới, mô hình mới, đạt hiệu quả cao; là gương điển hình để các tập thể khác học tập kinh nghiệm.

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác; tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; thực hiện nghiêm túc các quy định của Cụm, Khối thi đua.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để xét tặng hằng năm cho các tập thể tiêu biểu, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của Cụm, Khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” đối với tập thể nằm trong tỷ lệ được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”. Trường hợp tập thể đã đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” nhưng không được xét tặng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” theo quy định chung.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào thi đua.

4. Việc bình xét tập thể dẫn đầu phong trào thi đua khi tổng kết phong trào và đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được thực hiện theo kế hoạch phát động phong trào thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 6. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; đổi mới, sáng tạo, đạt nhiều kết quả nổi bật. Đối với đơn vị sản xuất kinh doanh thì các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách phải ổn định, tăng trưởng và vượt kế hoạch đề ra.

b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên do cơ quan, đơn vị phát động đạt hiệu quả, thiết thực.

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng hằng năm cho các tập thể sau:

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

b) Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; các tập thể thuộc Chi cục và tương đương (có số lượng từ 06 công chức, viên chức, người lao động trở lên).

c) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

Điều 7. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho các tập thể quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này.

Điều 8. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động.

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; mưu trí, dũng cảm trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh.

c) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

d) Có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

2. “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có sáng kiến áp dụng đạt hiệu quả, đem lại lợi ích về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

b) Có mô hình sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao và ổn định từ 02 năm trở lên hoặc đạt danh hiệu Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi cấp tỉnh.

c) Cá nhân là các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội của đơn vị hoặc địa phương.

3. “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

4. “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua yêu nước của tỉnh.

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; mưu trí, dũng cảm trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, cứu người, cứu tài sản hoặc trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án đặc biệt nghiêm trọng.

c) Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc 02 năm liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

5. “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác quy định tại khoản 4 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

6. “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo hoặc đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên. Ngoài ra, tùy vào đối tượng, điều kiện, hoàn cảnh, trường hợp cụ thể để xem xét, đề nghị tặng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”.

7. Hằng năm, xét tặng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các tập thể, cá nhân thuộc các Ngân hàng có Chi nhánh trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (trừ Ngân hàng Nhà nước) đã đóng góp tích cực cho sự phát triển tỉnh Hậu Giang.

Điều 9. Giấy khen

1. Giấy khen của Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố để tặng cho tập thể, cá nhân và hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động.

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất, đạo đức tốt; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

đ) Công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn cấp huyện, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

e) Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho cơ quan, đơn vị, địa phương, xã hội tùy vào tình hình thực tế, điều kiện, hoàn cảnh của tập thể, cá nhân và hộ gia đình.

2. Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã để tặng cho tập thể, cá nhân và hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để tặng cho tập thể, cá nhân và hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho cơ quan, đơn vị, địa phương, xã hội tùy vào tình hình thực tế, điều kiện, hoàn cảnh của tập thể, cá nhân và hộ gia đình.

4. Việc khen thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua hoặc thi đua theo chuyên đề, hoàn thành một hạng mục công trình, hoặc lập được thành tích đột xuất do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

Chương III

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG VÀ QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH KHEN THƯỞNG

Điều 10. Thẩm quyền quyết định, đề nghị và trao tặng khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng Bằng khen, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” và danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

Đề nghị Chính phủ tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”; đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; và trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương, Huy chương các hạng, danh hiệu vinh dự Nhà nước.

2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen.

Xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang” và “Tập thể Lao động xuất sắc”. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Thủ tướng Chính phủ các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến” và các hình thức khen thưởng theo quy định đối với tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

4. Đối với các doanh nghiệp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn, Công ty Cổ phần, hợp tác xã hoạt động độc lập do Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và Giấy khen; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định tặng Giấy khen. Xét trình cấp trên tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

5. Người có thẩm quyền quyết định trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đó.

Việc công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 11. Quy định về trình khen thưởng

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Cấp nào chủ trì phát động phong trào thi đua theo đợt (theo chuyên đề) chủ yếu sử dụng hình thức khen thưởng của cấp mình; trường hợp thành tích tiêu biểu xuất sắc có tác dụng đối với tỉnh hoặc toàn quốc thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương khi đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân thì lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng. Các trường hợp đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên, Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổng hợp thủ tục, hồ sơ khen thưởng thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, quyết định.

4. Đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng cho tập thể hoặc cá nhân là Thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền.

5. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ đề nghị khen thưởng.

6. Trước khi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh họp xét hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp trên khen thưởng các hình thức khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” sẽ lấy ý kiến của Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh, Trang thông tin điện tử Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và Báo Hậu Giang ít nhất 10 ngày làm việc.

Việc lấy ý kiến của Nhân dân trên phương tiện thông tin và kết quả xử lý thông tin (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước khi đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp trên khen thưởng.

7. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Đối với hình thức khen thưởng thường xuyên thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 12. Thời gian đề nghị khen thưởng

1. Thời gian trình hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh và cấp Nhà nước hằng năm đến hết tháng 02 của năm liền kề. Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo đề nghị khen thưởng trước ngày 15 tháng 8 hằng năm.

2. Các trường hợp đề nghị khen thưởng để phục vụ công tác tổng kết gửi trước ngày trao thưởng ít nhất 10 ngày làm việc.

Điều 13. Thông báo kết quả khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định thông báo cho đơn vị trình khen thưởng biết.

2. Tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc (kể từ ngày cấp có thẩm quyền khen thưởng thông báo), cơ quan thẩm định phải thông báo cho đơn vị trình khen biết. Nếu hồ sơ không đúng tuyến trình, cơ quan thẩm định thông báo và trả hồ sơ cho đơn vị trình khen thưởng.

Điều 14. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở nhằm phục vụ việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương IV**HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG,
CỤM, KHỐI THI ĐUA VÀ QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG****Điều 15. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh**

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng đối với thành tích của tập thể, cá nhân để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

3. Cơ quan Thường trực Hội đồng có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp Hội đồng. Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự. Chủ tịch Hội đồng chủ trì hội nghị hoặc ủy quyền cho 01 Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thực hiện bỏ phiếu như các thành viên khác. Cơ quan Thường trực Hội đồng xin ý kiến các thành viên vắng mặt bằng văn bản, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng; hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng và hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định.

Điều 16. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương (sau đây gọi là Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị) là cơ quan tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương có trách nhiệm thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp mình để tham mưu, tư vấn về thực hiện công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý.

Điều 17. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện và cấp xã) là cơ quan tham mưu cho Cấp ủy Đảng và chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Người đứng đầu Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp mình để tham mưu, tư vấn về thực hiện công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý.

Điều 18. Thành lập Cụm, Khối thi đua

1. Căn cứ Hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và tình hình, đặc điểm cụ thể của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Cụm, Khối thi đua.

2. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn tổ chức hoạt động bình xét thi đua và khen thưởng thành tích tiêu biểu xuất sắc trong Cụm, Khối thi đua trên địa bàn tỉnh.

Điều 19. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng; mức tiền thưởng được thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

2. Không chi tiền thưởng đối với các tập thể, cá nhân người nước ngoài, các tổ chức quốc tế và các tổ chức kinh tế; các tập thể, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen về thành tích đóng góp, thành tích trong công tác an sinh xã hội.

3. Tập thể, cá nhân khi được khen thưởng được chi tiền thưởng theo quy định đối với mỗi hình thức khen thưởng. Trong một số trường hợp, tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất, có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm, khắc phục khó khăn lập thành tích được khen thưởng, gương người tốt, việc tốt, các gương điển hình trong phong trào thi đua, phong trào quần chúng, đề động viên kịp thời thì cơ quan, tổ chức đề nghị khen thưởng phối hợp với Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh báo cáo, đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức thưởng đối với từng trường hợp cụ thể (không quá 50 triệu đồng).

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện

1. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh; tổ chức hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các ngành, các cấp thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, doanh nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn căn cứ Quy định này tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định. Ngoài các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và các nội dung thi đua, hình thức khen thưởng trong Quy định này, Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, doanh nghiệp và lãnh đạo các địa phương có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và vận dụng Quy định này để thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức xây dựng các phong trào thi đua, phát hiện và bồi dưỡng nhân rộng điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và địa phương trong tỉnh.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) để nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.